

Số : 698-06/24-3.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 - CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU****2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu****3/ Thời gian lấy mẫu: 27/06/2024****4/ Loại mẫu : 698-06/24-3.5NT1. Nước thải sản xuất tại đầu ra của HTXL nước thải sản xuất công suất 5.000m³/ ngày đêm (X:1178674; Y:722320)****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A; Kq=1; Kf=1)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(29,2 ⁰ C)	-	7,87	2÷12	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	21	1,5	50	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	45	2,0	75	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	20	1,0	30	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nito**	mg/L	3,59	1,50	20	TCVN 6638:2000
6	Tổng phot pho (tính theo P)**	mg/L	2,29	0,016	4	TCVN 6202:2008
7	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	5	SMEWW 5520.B&F:2023
8	Coliform*	MPN/100mL	2.000	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023
9	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	1	SMEWW 4500-C1.G:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**
Hà Thuý Ngọc Diễm**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

1/4

Số : 698-06/24-3.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 - CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU****2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu****3/ Thời gian lấy mẫu: 27/06/2024****4/ Loại mẫu : 698-06/24-3.5NT2. Nước thải đầu ra tại điểm đầu nối với công thoát chung của KCN (X:1178124; Y:722571)****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	Tiêu Chuẩn KCN Mỹ Xuân A	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,1 ⁰ C)	-	7,96	2÷12	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	27	1,5	150	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	54	2,0	150	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	26	1,0	80	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	4,48	1,50	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng phot pho (tính theo P)**	mg/L	2,49	0,016	6	TCVN 6202:2008
7	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	10	SMEWW 5520.B&F:2023
8	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	10.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Hà Thủy Ngọc Diễm**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

2/4

Số : 698-06/24-3.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 - CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN

VIỆT NAM – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/06/2024

4/ Loại mẫu : 698-06/24-3.5NT3.Nước thải sinh hoạt tại đầu ra của HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ ngày đêm (X:1177738; Y:722564)**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT A) K=1	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(29,4 ⁰ C)	-	7,34	2÷12	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	18	1,5	50	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	9	1,0	30	TCVN 6001-1:2021
4	Sunfua*	mg/L	KPH	0,015	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	KPH	0,010	5	TCVN 6179-1:1996
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	9,31	0,015	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ , tính theo P)**	mg/L	1,34	0,011	6	TCVN 6202:2008
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	KPH	0,3	10	SMEWW 5520.B&F:2023
9	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH	0,012	5	TCVN 6622-1:2009
10	Coliform*	MPN/100mL	940	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET
Hà Thủy Ngọc Diễm**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

3/4

Số : 698-06/24-3.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH SỐ 2 - CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU****2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu****3/ Thời gian lấy mẫu: 27/06/2024****4/ Loại mẫu: 698-06/24-3.5NM.**Nước từ khu tái sử dụng nước thải sau xử lý- tại đầu ra của hệ thống tái sử dụng nước thải sau xử lý công suất 2.000m³/ ngày đêm (X:1178487; Y:722317)**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Mức C – Bảng 2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(29,8 ⁰ C)	-	6,95	2÷12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	3	1,5	> 100 và không có rác nổi	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	13	2,0	≤ 20	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	6	1,0	≤ 10	TCVN 6001-1:2021
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	KPH	0,010	0,3 ^(d)	TCVN 6179-1:1996
6	Clorua (Cl ⁻)**	mg/L	17,8	1,5	250 ^(d)	TCVN 6194:1996
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	KPH	0,006	0,05 ^(d)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	0,615	0,020	-	TCVN 6180:1996
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)**	mg/L	KPH	0,011	-	TCVN 6202:2008
10	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,30	5,0 ^(d)	SMEWW 5520.B:2023
11	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH	0,012	0,1 ^(d)	TCVN 6622-1:2009
12	Coliform*	MPN/100mL	390	2	≤ 7.500	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

KPH: Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
COSHET**
Hà Thủy Ngọc Diễm**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

4/4